

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 30/12/2024.

V/v không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thùy;
- Ông Hoàng Sỹ Lĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về: “*Không công nhận là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Minh Đ, sinh năm 1960.

Địa chỉ: số G H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: thôn H, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn, nguyên đơn ông Dương Minh Đ trình bày thì: Ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau vào năm 1991 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ông và bà T chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì giữa vợ

chồng ông xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên không hòa hợp, hạnh phúc. Mâu thuẫn kéo dài, mặc dù ông đã tự nhìn nhận lại mình và cố gắng hòa hợp nhưng càng về sau mâu thuẫn giữa ông và bà T càng lớn. Đến nay, ông không muốn ràng buộc nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông Đ xác định vợ chồng có ba con chung tên là: Dương Kim C, sinh năm 1992; Dương Kim T1, sinh năm 1994 và Dương Thu H, sinh năm 1996. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đ xác định vợ chồng không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông Đ không trình bày gì thêm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày tại bản tự khai thì: Năm 1991, bà và ông Dương Minh Đ về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng vì con cái nên bà cố gắng chịu đựng. Đến năm 2021, vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn, bất hòa, xô xát nhau thường xuyên. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng bà bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Ông Đ có tính gia trưởng, không tôn trọng bà, thường xuyên chửi mắng, đánh đập bà. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Bà xác định không còn tình cảm với ông Đ, vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà đồng ý giải quyết ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có ba con chung tên là: Dương Kim C, sinh năm 1992; Dương Kim T1, sinh năm 1994 và Dương Thu H, sinh năm 1996. Hiện nay, các con chung đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà T không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng vắng mặt đương sự nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của ông Dương Minh Đ, xử không công nhận ông Dương Minh Đ và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng. Về con chung, các con chung của ông Đ, bà T là Dương Kim C, sinh năm 1992; Dương Kim T1, sinh năm 1994 và Dương Thu H, sinh năm 1996 đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Về tài sản chung, các đương sự xác định không có tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Về nợ chung, các đương sự xác định không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Ông Dương Minh Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Dương Minh Đ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Dương Minh Đ, bà Nguyễn Thị T vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn bà Nguyễn Thị T cư trú tại: thôn H, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Minh Đ và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau năm 1991, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M, nơi ông Đ và bà T sinh sống từ khi chung sống với nhau đến nay ông Đ và bà T không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của ông Đ, bà T thì thấy rằng: quá trình chung sống, vợ chồng ông Đ, bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau. Đồng thời trong lời khai, bà T cũng xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn,

bà không còn tình cảm với ông Đ nên bà T đồng ý ly hôn với ông Đ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Đ và bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận ông Dương Minh Đ và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Ông Đ và bà T xác định vợ chồng có ba con chung tên là: Dương Kim C, sinh năm 1992; Dương Kim T1, sinh năm 1994 và Dương Thu H, sinh năm 1996. Khi ly hôn, ông Đ và bà T xác định các con chung đều đã trưởng thành, phát triển bình thường và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Ông Đ và bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Ông Đ và bà T xác định vợ chồng không có nợ chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] *Về án phí*: Ông Dương Minh Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Dương Minh Đ là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Tuyên bố không công nhận ông Dương Minh Đ và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Dương Minh Đ được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Dương Minh Đ.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh